

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HS - ST

Ngày 26/4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Quảng và ông Nguyễn Ngọc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ; Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền; Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2018/TLST- HS, ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST- HS ngày 12/4/2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 01/02/1978 tại xã H, huyện K, tỉnh B; nơi đăng ký HKTT tại: Xóm Đ, xã H, huyện K, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đức T1, sinh năm: 1949 (chết năm 2013) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1954; có vợ là Lê Thị T2, sinh năm: 1982 và 03, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm: 2011;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 10/01/2018, tạm giữ đến ngày 13/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Người làm chứng: Anh Vũ Văn C, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị V đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/01/2018, tại đoạn Km 178 + 700 quốc lộ 18A, thuộc khu vực thôn K, xã H, thành phố P, tỉnh N, Trần Văn T có hành vi tàng trữ 12,2kg pháo nổ trong túi xách, mục đích để sử dụng. Vật chứng thu giữ của Trần Văn T gồm: 06 hộp pháo hoa dàn và 94 quả pháo dạng đơn; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và 1.853.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 171/BKL-PTM ngày 10/01/2018 của phòng tham mưu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh N kết luận: 06 hộp hình vuông màu đỏ kích thước tương tự nhau 14,5 x 14,5 x 14,5cm, trọng lượng mỗi hộp là 1,466kg. Tổng trọng lượng là 8,8kg là pháo hoa dàn (có các đặc tính của pháo nổ, có chứa thuốc pháo, khi đốt gây tiếng nổ) do nước ngoài sản xuất; 94 quả cuốn bằng giấy hình tròn màu vàng nhạt có phần đuôi hình trụ cuốn giấy màu vàng đường kính 04cm, chiều cao 6,5cm, trọng lượng mỗi quả là 0,036kg. Tổng trọng lượng là 3,4kg, là pháo hoa dạng đơn (có đặc tính của pháo nổ, có chứa thuốc pháo, khi đốt gây ra tiếng nổ) do nước ngoài sản xuất. Tổng trọng lượng cả hai loại là: 12,2kg (mẫu vật giám định đã được tiến hành giám định hết).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận: Khoảng 04 giờ ngày 08/01/2018, T đón xe khách từ B đi thành phố C, tỉnh N mục đích tìm mua pháo về nhà đốt dịp tết. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T đến thành phố C và đi hỏi mua pháo của một người đàn ông không quen biết, người này chỉ vào một túi du lịch màu đỏ nói bên trong có 06 bộ pháo hoa dàn loại 36 lỗ và gần 94 quả pháo trứng với giá 3.000.000đồng và hẹn tối ngày 09/01/2018 quay lại lấy. Khoảng 19 giờ ngày 09/01/2018, T quay lại khu vực chợ C đưa 3.000.000đồng cho người đàn ông hôm trước và hẹn nhận pháo vào 19 giờ 30 phút tại khu vực ngã 3 M, huyện H, tỉnh N. Sau đó, T đón xe khách đến Quốc lộ 18A, đoạn thuộc khu vực ngã 3, M, huyện H đứng chờ khoảng 05 phút thì người đàn ông đó điều khiển xe máy (không rõ biển số) xách túi xách du lịch màu đỏ để ở cột điện cách chỗ T đứng khoảng 03m. T không kiểm tra, không lấy túi mà đứng từ xa trông chừng và chờ vẫy xe về B. Khoảng 10 phút sau T vẫy xe 35B - 00968, xe dừng, T ra lấy túi, xách lên xe ngồi ở ghế số 1 sát với cửa lên xuống. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/01/2018, xe đến quốc lộ 18A thuộc xã H, thành phố P thì bị Công an kiểm tra phát hiện thu giữ toàn bộ vật chứng. Bị cáo T khẳng định việc Viện

kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử bị cáo hành vi “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

Những người làm chứng anh Vũ Văn C, anh Phạm Văn T3 và chị Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, thể hiện như sau: Anh C là chủ sở hữu xe 35B- 00968, anh T3 là lái xe thuê cho anh C còn chị V là khách đi xe. Giữa anh C, anh T3, chị V với T không quen biết, không có mâu thuẫn. Vào khoảng 19 giờ 40 phút, ngày 09/01/2018 khi xe đi đến khu vực ngã 3 M, huyện H, tỉnh N có người đàn ông (sau này biết tên là T) vẫy xe, rồi lên xe, tay phải xách túi du lịch màu đỏ, tay trái xách túi bóng trong có một hộp cattong nhỏ. T không muốn cất túi xách vào cốp và anh C cũng không kiểm tra hành lý của T. Anh C đã sắp xếp cho T ghế nằm số 1 cạnh cửa lên xuống nhưng T không nằm mà ngồi tại phản bên cạnh và để túi dưới chân ghế số 1. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, xe đi đến khu vực H, thành phố P, tỉnh N thì Công an kiểm tra phát hiện hành vi tàng trữ pháo của T. Anh C, anh T3 và chị V đã được chứng kiến Công an niêm phong vật chứng thu giữ của T.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT- VKS, ngày 20/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Trần Văn T tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên trình bày luận tội đưa ra các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi du lịch và trả lại cho Trần Văn T 02 chiếc điện thoại di động.

Tại phần tranh luận, bị cáo Trần Văn T không tranh luận với lời luận tội của kiểm sát viên. Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khẳng định việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa như: Biên bản tạm giữ đồ vật; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản nhận dạng; Biên bản kiểm tra thông tin trong máy điện thoại di động; Bản ảnh vụ án; Bản kết luận giám định số: 171/BKL-PTM ngày 10/01/2018 của Phòng tham mưu bộ chỉ huy quân sự tỉnh N. Với các chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/01/2018, tại đoạn Km 178 + 700 quốc lộ 18A, thuộc khu vực thôn K, xã H, thành phố P, tỉnh N, Trần Văn T có hành vi tàng trữ 12,2kg pháo nổ trong túi xách, mục đích để sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với pháo nổ, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến sự an toàn tính mạng, tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị xét xử đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; Tình tiết tăng nặng: Không; Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo có bố là ông Trần Đức T1 và mẹ là bà Nguyễn Thị M đã có thành tích trong cuộc kháng

chiến chống Mỹ cứu nước, ông T1 được tặng huân chương kháng chiến hạng ba, hai lần được chứng nhận danh hiệu dũng sỹ quyết thắng cấp III và là thương binh loại A; bà M được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 để giảm một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật mà cải tạo, giáo dục thành người lương thiện có ích.

[4] Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đồng thời đảm bảo tính chất răn đe, phòng ngừa chung trong quần chúng nhân dân.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo mua lượng pháo không lớn, mục đích để sử dụng nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: 12,2kg pháo nổ gửi giám định đã được tiến hành giám định hết, số tiền 1.853.000đồng quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho bị cáo, do đó không đề cập xử lý; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng hồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám, là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T; 01 (một) Chiếc túi du lịch màu đỏ, lót trong màu đen liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Tàng trữ hàng cấm”

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại bị cáo Trần Văn T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng hồng, không kèm sim và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model: 1280, vỏ màu xanh xám, kèm 01 sim, 01 pin; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi du lịch vải màu đỏ, lót trong màu đen đã qua sử dụng. (Tình trạng vật chứng được thi hành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 92/BB- THA, ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh N;
- Viện KSND tỉnh N;
- Viện KSND thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P; CQ THA hình sự;
- Chi cục THA dân sự Thành phố P;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trọng Hiệp

